TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2023/DS-ST Ngày: 23-5-2023 V/v“Tranh chấp hợp đồng góp hụi”	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huỳnh Hải

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn R, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn R: Bà Lê Thị L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. (Theo Giấy ủy quyền ngày 10/10/2022). (Có mặt).

Bị đơn: Bà Lâm Thị Th, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. (Có mặt).

2. Bà Lê Thị X (tên thường gọi: S), sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào vụ Đông Xuân năm 2014, ông R có tham gia dây hụi vụ 5.000.000 đồng do bà Th làm đầu thảo, hụi mở mỗi năm 02 lần vào vụ Đông Xuân và Hè Thu, có 15 hụi viên, mở hụi lần đầu vào ngày mùng 9/3/2014 âm lịch (AL). Ông R tham gia 01 phần. Hụi mở được 09 lần, đến vụ Hè Thu năm 2018 thì bà Th tuyên bố vỡ hụi, không tiếp tục dây hụi nữa và kết sổ với ông R tiền hụi 09 lần là 45.000.000đồng, trừ 2.000.000đồng tiền hoa hồng cho đầu thảo thì còn 43.000.000đồng. Bà Th hứa mỗi vụ sẽ trả lại 5.000.000 đồng nhưng không thực hiện. Do đó, ông R khởi kiện yêu cầu bà Th trả lại tiền hụi 43.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Bà Lê Thị L đại diện cho ông R đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Tuy tên trong danh sách hụi là 6 R, nhưng nguồn tiền đóng hụi là của hai vợ chồng. Lúc đầu trong danh sách hụi ghi tên S 9 H là do vợ chồng bà nhờ S 9 H ghi tên và chơi hụi giùm, sau đó S 9 H giao lại cho bà L nên bà Th ghi lại tên 6 R là tên chồng bà L. Nay bà L chỉ yêu cầu bà Th trả lại cho bà và ông R tiền vốn của 09 lần đóng hụi, tổng số tiền 20.570.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn bà Lâm Thị Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X (S 9 H) trình bày: Bà X thống nhất với phần trình bày của bà L, thừa nhận có tham gia dây hụi vụ mở ngày 09/3/2014 (AL) có 15 thành viên do bà Lâm Thị Th làm đầu thảo và chơi giùm bà L, bà L đưa tiền cho bà đóng hụi cho bà Th 5 lần, sau đó bà X giao lại cho bà L trực tiếp đóng hụi cho bà Th, tên trong danh sách hụi lúc đầu ghi tên bà là S 9 H, sau đó ghi lại tên 6 R là tên chồng bà L. Dây hụi này mở đến lần thứ 9 thì ngưng do bà Th thông báo vỡ hụi. Bà chỉ chơi hụi giùm nên không có yêu cầu gì trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt không lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện của ông Phan Văn R, yêu cầu bà Lâm Thị Th trả số tiền nợ hụi là 43.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 01/11/2022 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông R là bà Lê Thị L đã thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bà Th trả tiền vốn đã đóng 09 lần hụi sống với tổng số tiền 20.570.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Trước yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn bà Lâm Thị Th không thể hiện ý kiến. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X không có yêu cầu hay ý kiến gì trong vụ án. Xét yêu cầu trả nợ hụi số tiền gốc 20.570.000 đồng của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L: Nguyên đơn, đại diện nguyên đơn trình bày vào Đông xuân năm 2014 có tham gia chơi hụi do bà Lâm Thị Th làm thảo hụi, dây hụi khui vào vụ Đông Xuân 2014, có 15 phần, nguyên đơn tham gia 01 phần và đã đóng hụi sống được 09 lần, tổng số tiền 20.570.000 đồng. Tuy nhiên, đến năm 2018 bà Th ngưng khui hụi và tuyên bố vỡ hụi, đại diện nguyên đơn bà L có gặp bà Th để thỏa thuận lại số tiền nợ hụi mà bà Th phải trả cho nguyên đơn. Hai bên đã thỏa thuận bà Th phải trả số tiền hụi là 43.000.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp giấy danh sách hụi trong đó có nội dung chốt hụi là 43.000.000 đồng. Riêng bị đơn bà Lâm Thị Th mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Th vắng mặt không lý do trong những lần Tòa án triệu tập và bà Th cũng không thể hiện ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ để xét xử.

Theo giấy danh sách hụi do nguyên đơn cung cấp tuy không có chữ ký xác nhận của bà Th còn nợ hụi 43.000.000 đồng nhưng căn cứ lời khai của bà X (S 9 H) thể hiện có việc tổ chức dây hụi với số tiền 5.000.000 đồng, bắt đầu khui vào Đông Xuân năm 2014 và một năm khui 02 lần (vào vụ Đông Xuân và Hè Thu), dây hụi có 15 phần do bà Lâm Thị Th làm thảo hụi và nguyên đơn có tham gia 01 phần như trong danh sách hụi đã cung cấp; hụi khui được 09 lần thì ngưng khui cho đến nay. Mặt khác, tại giấy danh sách hụi do nguyên đơn cung cấp (là chữ viết tay) thể hiện bà Th còn thiếu số tiền 43.000.000 đồng, nguyên đơn cho rằng chữ viết đó là của bà Th. Do đó, nguyên đơn chỉ yêu cầu ba Th trả tiền vốn gốc đã đóng 09 lần hụi sống với số tiền 20.570.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015, Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L.

Về yêu cầu lãi suất phát sinh: Nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị không xem xét; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị X không có yêu cầu hay ý kiến gì trong vụ án nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi". Bị đơn bà Lâm Thị Th cư trú tại Ấp X, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Xâm có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tòa án đã tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1] Xét thấy nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Lâm Thị Th trả tiền vốn đã đóng là quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự và trong phạm vi đơn khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là Danh sách hụi có xác nhận của bị đơn về 09 lần đóng hụi của nguyên đơn, bị đơn có chốt hụi với nguyên đơn số tiền 43.000.000 đồng của 09 lần đóng hụi; người có quyền lợi, nghĩa liên quan là bà Lê Thị X (S 9 H) cũng xác nhận việc bà Th có làm đầu thảo nhiều dây hụi, trong đó có dây hụi ông R và bà L tranh chấp, xác nhận dây hụi này hoạt động từ vụ Đông Xuân 2014 đến vụ Hè Thu năm 2018, hụi mở được 09 lần thì chủ hụi ngưng không tiếp tục nữa, bà X là người chơi hụi giùm và trực tiếp nhận tiền từ ông R, bà L để đóng hụi sống cho bà Th 05 lần, sau đó bà L và ông R tiếp tục đóng hụi sống cho bà Thu 04 lần còn lại cho đến khi hụi ngưng nên có cơ sở để xác định việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thay đổi ý kiến, chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền hụi vốn đã đóng số tiền 20.570.000 đồng là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về Họ, hụi, biêu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

[5] Ông Phan Văn R và bà Lê Thị L không yêu cầu tiền bị đơn trả tiền lãi nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Lâm Thị Th phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền 20.570.000 đồng phải trả cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về Họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn R và bà Lê Thị L.

Buộc bà Lâm Thị Th có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn R và bà Lê Thị L số tiền 20.570.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn chậm trả tiền cho nguyên đơn thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

3. Về án phí:

Buộc bà Lâm Thị Th phải chịu 1.028.500 đồng (một triệu không trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Phan Văn R 1.075.000đồng (một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai thu tiền số 0003762 ngày 06/10/2022.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Yến Linh